

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833203] - Lắp đặt hệ thống điện
tự động (CCQ2215CD)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 19
Số bài thi: 19
Số tờ giấy thi: 19

Đỗ Phương Nam *Nguyễn Văn Tuấn* *Đỗ Phương Nam* *Nguyễn Văn Tuấn*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150078	Lương Văn Bình	24/10/2004	CCQ2215C		<i>Bình</i>	7,3	6,8	7,0
2	2122150090	Nguyễn Văn Chương	17/04/2004	CCQ2215C		<i>Chương</i>	8	7	7,4
3	2122150080	Nguyễn Duy Cường	21/04/2004	CCQ2215C		<i>Cường</i>	6	5	6,0
4	2122150027	Lữ Phan Thành Đạt	12/02/2004	CCQ2215A		<i>Đạt</i>	8,3	6,5	7,2
5	2122150049	Nguyễn Quốc Đạt	25/04/2004	CCQ2215C		<i>Đạt</i>	8	5	6,6
6	2122150068	Ngô Thanh Diệu	14/08/2004	CCQ2215C		<i>Diệu</i>	7,8	7	7,1
7	2122150046	Nguyễn Văn Định	10/11/2004	CCQ2215C		<i>Định</i>	7,6	7,6	7,6
8	2122150077	Nguyễn Duy Đông	15/07/2004	CCQ2215C		<i>Đông</i>	8	5	6,8
9	2122150052	Trần Minh Dương	20/04/2004	CCQ2215C		<i>Dương</i>	7	6,8	6,9
10	2122150065	Nguyễn Ngọc Hải	28/12/2004	CCQ2215C		<i>Hải</i>	7,5	8,3	8,0
11	2122150036	Nguyễn Khắc Nam Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A		<i>Hoàng</i>	0	0	0
12	2122150057	Huỳnh Huy Hùng	17/08/2004	CCQ2215C		<i>Hùng</i>	7	6,0	6,4
13	2122150061	Phạm Văn Hùng	25/08/2004	CCQ2215C		<i>Hùng</i>	8	6,5	7,1
14	2122150054	Dặng Quang Huy	08/04/2003	CCQ2215C		<i>Huy</i>	7	6	6,4
15	2122150060	Nguyễn Quang Huy	07/10/2004	CCQ2215C		<i>Huy</i>	7,3	5	6,5
16	2122150045	Nguyễn Tấn Huy	24/01/2004	CCQ2215C		<i>Huy</i>	7	6,0	6,4
17	2122150074	Trần Quang Huy	27/08/2004	CCQ2215C		<i>Huy</i>	7	6,0	6,4
18	2122150063	Trương Gia Kiện	22/01/2004	CCQ2215C		<i>Kiến</i>	6	5	6,0
19	2122150099	Phan Văn Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C		<i>Kiệt</i>	8,3	7,5	7,8
20	2122150044	La Ngọc Lễ	29/08/2004	CCQ2215C		<i>Lễ</i>	6,6	5,6	6,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ I (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Đ. Phạm *Minh* *L* *Minh*
N.T. Nguyễn *N.T. Nguyễn*

Môn học : [22833201] - Lắp đặt hệ thống điện
tự động (CCQ2215AB)
Số SV có mặt: *17*
Số bài thi: *17*
Số tờ giấy thi: *17*
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150028	Lê Tấn	Bằng	29/09/2004	CCQ2215A		<i>Bằng</i>	6,5	6,6	6,5
2	2122150013	Nguyễn Quốc	Bảo	29/05/2004	CCQ2215A		<i>Bảo</i>	7,5	7,8	7,8
3	2122150040	Huỳnh Duy	Bình	08/10/2004	CCQ2215A		<i>Duy</i>	7,2	7,2	7,2
4	2122150002	Trương Thanh	Bình	07/10/2003	CCQ2215A		<i>Bình</i>	6	6,6	6,6
5	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật	Đăng	09/08/2004	CCQ2215A		<i>Ph</i>	6,6	6,6	6,6
6	2122150034	Nguyễn Xuân	Giáp	16/12/2004	CCQ2215A		<i>Giáp</i>	6,5	7,0	6,5
7	2122150024	Huỳnh Thanh	Hào	02/03/2004	CCQ2215A		<i>Hào</i>	8	8	8,0
8	2122150023	Nguyễn Quốc	Hoài	08/01/2004	CCQ2215A		<i>Hoài</i>	6,6	6,6	6,6
9	2122150021	Hoàng Văn	Huân	06/06/2004	CCQ2215A		<i>Huân</i>	7,3	7,3	7,3
10	2122150032	Vì Tuấn	Hùng	21/03/2004	CCQ2215A		<i>Hùng</i>	7,3	7,8	7,8
11	2122150018	Đinh Văn	Huy	27/02/2004	CCQ2215A		<i>Huy</i>	6,5	7	6,8
12	2122150043	Già Tấn	Huyền	17/06/2004	CCQ2215A		<i>Huyền</i>	7,5	7,5	7,5
13	2122030206	Phạm Tuấn	Khanh	31/12/2004	CCQ2215A		<i>Vàng</i>	0	0	0
14	2122150020	Trần Minh	Khôi	30/07/2001	CCQ2215A		<i>Khôi</i>	7	7	7,0
15	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh	Lý	12/04/2004	CCQ2215A		<i>Lý</i>	7	7	7,0
16	2122150101	Nguyễn Minh	Lý	28/12/2003	CCQ2215A		<i>Lý</i>	8	9	8,6
17	2122150004	Phan Văn	Lý	26/06/2004	CCQ2215A		<i>Ph</i>	6,5	6,6	6,6
18	2122150011	Lê Quốc	Mạnh	16/01/2004	CCQ2215A		<i>Mạnh</i>	7,5	7,5	7,5
19	2122150005	Trần Văn	Quý	15/03/2004	CCQ2215B		<i>Vàng</i>	0	0	0